



Câu lạc bộ thơ
TÂN HÌNH THỨC

VẬN ĐỘNG SÁNG TÁC VÀ THẢO LUẬN

Báo Giấy • Tháng 12 năm 2016 • Năm thứ 3 • Số 31

POETRY JOURNAL IN PRINT • BÁO GIẤY

Print it out yourself

Vietnamese & English Poetry • Tri-Monthly
First year • December 2016 • Number 2

Publisher: Tan Hinh Thuc Publishing Club • Santa Ana, California, USA
www.thotanhinhthuc.org

ISSN: 2475-2274

Contact: Khe Iem, email: journalinprint@gmail.com

Editorial Staff: Điềm Thọ, Khế Iêm, William Noseworthy,
Phạm Kiều Tùng, Trần Vũ Liên Tâm, Richard Sindt

About Us

When we read words on paper in Western-influenced languages, we read in a linear way: from left to right, from top to bottom, line by line, from beginning to end. But reading on the Internet is often done in a non-linear way; web pages usually contain more than one readable item, so the reader is tempted to jump around and not concentrate. When reading web pages, we tend to read more quickly and less deeply than when we read on paper. *Báo Giấy* (Poetry Journal in Print) seeks to allow both kinds of reading.

The world is becoming ever smaller, and every civilization is reaching out to others because we are all in the same race; human. Humanity requires understanding and peaceful exchanges which will enrich our lives. In the age of the Internet, poetry has become a simple and convenient means to rapidly discover and begin to understand the cultures of many different peoples.

Báo Giấy is non-profit organization, and the Editorial Staff are all working volunteers. If you want to be member of *Báo Giấy*, please, send us an email.

“Thế giới trở nên ngày càng nhỏ hẹp, và mỗi nền văn minh đều vươn tới những nền văn minh khác bởi lẽ tất cả chúng ta đều cùng thuộc một nòi là giống người. Nhân loại cần đến những cuộc trao đổi trên cơ sở thông cảm lẫn nhau và hòa bình để làm phong phú cuộc sống của chúng ta. Trong thời đại Internet, thơ đã trở nên một phương tiện giản đơn và thuận tiện để phát hiện nhanh chóng và bắt đầu hiểu được những nền văn hóa của nhiều dân tộc khác nhau.”

Contents / Mục Lục

Xuân Thủy	<i>Poor Me / Tội Nghiệp Tôi</i>	2
Khế Lê	<i>The Bicycle Poem / Bài Thơ Xe Đạp</i>	3
Hồ Đăng Thanh Ngọc	<i>The Roads / Con Đường</i>	4
Biển Bắc	<i>Fresh Coconut / Ai ... Dừa Tươi ... Hôn !?</i>	4
Kiều Maily	<i>Surviving / Sống Sót</i>	5
Trần Phục Khắc	<i>The Telling ... / Những Gì Mà Con Người Đã Kể</i>	6
Stanley H. Barkan	<i>Poems / Thơ</i>	7
Macah Mattix	<i>Dana Gioia's Poetry: Review / Điểm sách</i>	8
Kyung-Nyun Kim Richards	<i>Humble Pieces / Những Mảnh Khiêm Tốn</i>	13
Hassanal Abdullah	<i>Our Bones / Xương Của Chúng Ta</i>	14
Peter Thabit Jones	<i>Rainbow At Night / Cầu Vồng Ban Đêm</i>	15
Joe Dolce	<i>Boat People / Thuyền Nhân</i>	16

Xuan Thuy
POOR ME
(LOST KEY)

The fate's key must be
separate like her ...
or ... or ... the longing
may be or may not
be ... helpless ... or in
that I had forgotten
the key, just like I
had forgotten her,
because the key so
[we] must be apart,
left only the longing,
like a piece of scratch
paper that can be
discarded or kept
somewhere, the lost key
cannot open the
door, left only the
story-telling the
lost key, like the longing
[of] losing her ... like
a piece of scratch paper
can be discarded or
kept [or] else nothing
to do ... a tale...

Xuân Thủy
TỘI NGHIỆP TÔI
(MẤT CHÌA KHÓA)

Chiếc chìa khóa số
phận nó phải chia
lia, như nàng ... hay
hay ... nỗi nhớ có
thể không thể nào ...
bất lực ... hay vì
tôi quên chiếc chìa
khóa ví như quên
nàng vì chiếc chìa
khóa nên phải chia
lia còn lại chỉ
là nỗi nhớ như
mẩu giấy nháp có
thể vứt hoặc cất
đâu đó chiếc chìa khóa
mất đâu có mở
được cửa chỉ còn
lại câu chuyện kể
mất chìa khóa như
nỗi nhớ mất nàng ...
như mẫu giấy nháp
có thể vứt hoặc
cất chứ biết làm
gì ... một câu chuyện ...

(Translated by Tran Vu Lien Tam)

Khe Iem
THE BICYCLE POEM

For Dr. Carol J. Compton

The man leans the bicycle
against the wall, just in time
as the storm pours down, bringing
rain and rain and rain, erasing

borders between light [and] dark
and things and blurring dust, pushing
the man slowly slowly back
the distance between the sounds

of rain dropping on eaves and
cold wind, and the bicycle
gaining on gaining on until
the various shapes, the circles,

the spokes, the edgy corners
were deeply embedded in
the wall [of] discolor to
become a realism painting

and the man is the shadow
fading and the storm and rain
and the amplitude between
two ways of reality still holds

many years after, in the
memories of the man, those
moments bizarre as if [it
was] a story which happened

only in the mind.

(Translated by Tran Vu Lien Tam)

* This poem was read by poet Dana Gioia in his
Poetry Reading on November 20, 2016, at Katie
Wheeler Library, Irvine, Orange County, Califor-
nia.

Khé Iêm
BÀI THƠ XE ĐẠP

Tặng Dr. Carol J. Compton

Người đàn ông dựa xe đạp
vào vách tường vừa kịp
cơn giông ập xuống mang
theo mưa và mưa và

mưa xoá nhoà biên cương
giữa sáng tối và sự
vật và bụi mờ đầy
người đàn ông dần dần

lùi lại khoảng cách giữa
tiếng rơi mái hiên và
gió lạnh và chiếc xe
lần tới lần tới cho

đến khi những đường cong
vòng tròn những nan hoa
những góc cạnh khảm sâu
vào bức tường đã ó

màu thành bức tranh hiện
thực và người đàn ông
là chiếc bóng phai mờ
và cơn giông và mưa

và biên độ giữa hai
chiều thực tại còn đọng
lại nhiều năm sau đó
trong ký ức người đàn

ông những phút giây lạ
lùng tưởng chừng như câu
chuyện chỉ xảy ra trong
tâm trí.

* Bài thơ (bản Anh ngữ) đã được nhà thơ
Dana Gioia đọc trong buổi *Đọc Thơ* của ông,
ngày 20 tháng 11 năm 2016, tại thư viện Katie
Wheeler, thành phố Irvine, Quận Cam, Cali-
fornia.

Ho Dang Thanh Ngoc
THE ROADS

All the roads already rushed
forwards, they'd never turn back
although the mile marker already
reminded [them], all the roads from the
west to east, there's a road crossing
the river today already
dried out at the bottom, only
the red dust reflects the mountain
top [which] just passed away, like the
footprints of the elephant [who]
died many years ago, before
the grass leaves again open the
songs of band saw from the burning
sun [of] all the roads.

(Translated by Tran Vu Lien Tam)

Bien Bac
FRESH COCONUT

In the middle of nature's
hot noon burning with a life
full of losses, she sits at
the stump of a dry tree selling

fresh coconut juice to earn
a living, in the hustling
city among the corners
the dead ends, in the middle

of nature's hot burning noon
with a dry throat thirsting, I
buy a coconut [to] drink
fresh, the drops of sweat dropping

from the fore-head [fill] with her
fatigues like drinking the
sweet spring, gently flowing from
the hard life, after all the

knife cuts slash deep into the
soft thin coconut meat earning
a living in the middle
of life's hot burning noon.

(Translated by Tran Vu Lien Tam)

* "Fresh coconut" is a sales pitch from street
vendors in Saigon, Việt Nam.

Hồ Đăng Thanh Ngọc
NHỮNG CON ĐƯỜNG

những con đường đã lao về
phía trước chúng không hề ngoái
lại dù cột cây số đã
nhắc những con đường từ tây
sang đông có con đường qua
sông hôm nay đã cạn khô
trơ đáy chỉ có bụi đỏ
soi bóng cho ngọn núi vừa
qua đời như dấu chân voi
đã chết nhiều năm trước những
lá cỏ mở lại ca khúc của
tiếng cửa vọng từ nắng rạt
những con đường.

Biển Bắc
AI ... DỪA TƯƠI ... HỒN (!?)

Giữa trưa trời nắng
rất với một đời đầy mắt
mát chị ngồi gốc
cây khô bán nước dừa tươi

để kiếm sống nơi
đô thị xô bồ lẫn lóc
khắp góc cùng ngõ
cụt giữa trưa trời nắng rạt

với cổ họng khô
khát tôi mua trái dừa uống
mát những giọt mồ
hôi nhỏ từ vầng trán nhọc

nhàn của chị như
vừa uống suối ngọt ngào êm
dịu chảy ra từ
chai cứng cuộc đời sau những

nhát dao nhuyễn như
chém thấu vào thịt dừa mềm
mỏng kiếm sống giữa
trưa đời cháy rạt sôi bỏng

(đầu 7, không 8)

* Ai ... Dừa tươi ... Hồn (!?) là lời rao của người
bán hàng rong ở Saigon, Việt Nam.

Kieu Maily
SURVIVING

Sea is still. Waves already
silent. I swim back close
to shore close to shore. All
at once I see few others.

As if absent. The sea
mosses shrivel. The algae
collapses. I swim back to shore.
The human and the cameras.

Not the fisherman. Not their
offspring. A human kind very
strangely come then go. Come again
then go again. I see and

I turn away. Swim away
from shore. Far [from] the smell
of corpses of my kind basking
death in bodies blanching shores.

Sea stilled. Waves already
silent. Many homes of my
fellow kind are forsaken.
I apprehend from now the

fish would survive like me,
live harder, perhaps.

(Translated by Tran Vu Lien Tam)

* The poem speaks about the marine life disaster
in Vung Anh, Ha Tinh City, Vietnam April 2016
due to Formosa Steel Plant's water pollution.

Kieu Maily
SÓNG SÓT

Biển lặng. Sóng đã yên.
Tôi bơi trở lại gần
bờ gần bờ hơn. Đồng
loại tôi thấy thưa thớt

hơn. Như thể đi vắng.
Đám rong rêu quật quẹo.
Loài tảo nằm mệt phờ.
Tôi bơi trở lại bờ.

Loài người và máy ảnh.
Không phải ngư dân. Không
phải đám con cháu họ.
Một loài người rất lạ

đến rồi đi. Rồi lại
đến lại đi. Tôi nhìn
và tôi quay đi. Bơi
ra xa bờ. Xa mùi

tử thi đồng loại tôi
chết phơi mình trắng bờ.
Biển đã lặng. Sóng đã
yên. Nhiều ngôi nhà đồng

loại tôi bỏ hoang. Tôi
hiểu từ nay lũ cá
đã phải sống sót như
chúng tôi, khó sống hơn,

có lẽ.

* Bài thơ nói về vụ cá chết hàng loạt ở Vũng
Áng, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam, do nhà máy
Formosa thải chất độc làm ô nhiễm nước
biển, vào tháng 4, 2016.

Vietnamese poets utilized the term “New Formalism” to introduce to Vietnamese poetry the *Blank Verse* form of English poetry. To accept a new form of poetry is to accept the methods of composition, applying new principles: *enjambments*, *repetition*, *prose narration*, and the use of *common language*.

Những nhà thơ Việt mượn thuật ngữ “Tân hình thức” để giới thiệu vào thơ Việt thể thơ *Không Vần* của thơ tiếng Anh. Tiếp nhận một thể thơ là tiếp nhận phần thi pháp (cách làm thơ), áp dụng những yếu tố mới: *vất dòng*, *kỹ thuật lặp lại*, *tính truyện* và *ngôn ngữ thông thường*.

Tram Phuc Khac

THE TELLING OF HUMAN STORIES

The stories are told with the
spoken parts and the unspoken
parts, the unspoken part is
present and speaking, the spoken

part suddenly rests, momen-
tary not present, and just
like that continuing the written
story-telling, poem story-

telling, megaphone story-
telling, and oral story-
telling, then the fingers stroking
on the key board story-telling,

until the signal is like
flower lanterns, moon and stars,
anxious like a young girl still
virgin still original

yet to know anything, how
to know story-telling is
okay because the unspoken
part is present, and telling

the rest of the story about
the other human, better
and more beautiful than what
humans have told.

(Translated by Tran Vu Lien Tam)

* In the night festival, there are illuminating
flower lanterns hung through-out town.

Trầm Phục Khắc

NHỮNG GÌ MÀ CON NGƯỜI ĐÃ KỂ

Những câu chuyện kể bằng
phần kể và phần không
kể phần không kể đang
có mặt và đang kể

còn phần kể bất chợt
nghỉ ngơi tạm tạm vắng
mặt và cứ như vậy
mà tiếp tục những câu

chuyện kể thơ kể loa
kể truyền khẩu kể rồi
lại ngón tay gõ lên
bàn phím kể cho đến

khi tín hiệu như hoa
đăng trăng với sao hồi
hộp như gái còn trinh
vẫn còn nguyên chưa biết

gì làm sao biết kể
chẳng làm sao bởi vì
phần không kể đang có
mặt và đang kể nốt

câu chuyện về con người
khác hay hơn và đẹp
đẽ hơn những gì mà
con người đã kể.

The time is ripe for a true meeting of Vietnamese and American poets, united by shared tragedy and, I believe, a deep underlying humanism and optimism.

Poet & scholar Frederick Turner

Đây là thời điểm thích hợp cho cuộc gặp gỡ thật sự giữa những nhà thơ Việt và Mỹ, kết hợp bởi thảm họa đã được chia sẻ và, tôi tin, một chủ nghĩa nhân văn sâu xa có nền tảng và tính lạc quan.

POEMS

Stanley H. Barkan

AS YET UNBORN

Oh to be Adam
again
with all his ribs
yearning for a woman
as yet unborn,
mouth free
of the taste of apples,
ears without
the hiss of snakes,
mindless of
nakedness and shame
in the garden
of gentle creatures
waiting for a name.

ĐẾN BÂY GIỜ CHƯA SINH

Ôi để thành Adam
lần nữa
với tất cả những chiếc xương sườn của hắn
khao khát một người đàn bà
đến bây giờ chưa sinh
miệng không
nếm được vị ngon của táo
tai không nghe được
tiếng rít của rắn
không nghĩ tới
sự lỏa lồ và xấu hổ
trong khu vườn
những sinh vật hiền hòa
đang chờ một cái tên.

AS STILL AS A BROOM

Love as still as a broom
leaning against a fireplace.

All the carpets swept,
all the ashes grated.

And the candles burned
down to the black wires.

And the windows frosted
starless, moonless.

No shoes under the bed,
no towel on the floor.

Only the crease in the pillow
and a smell I can't remember.

LẶNG LẼ NHƯ CÁI CHỖI

Tình yêu lặng lẽ như cái chổi
dựa vào lò sưởi

Mọi tấm thảm được hút bụi
mọi tàn tro rơi xuống vỉ than

Và tất cả đèn cây lụi
tàn trên những ngọn bấc đen

Mọi cửa sổ đóng băng
không sao không trăng

Không giày dưới giường
không khăn lau trên sàn nhà

Chỉ có nếp gấp trên gối
và một mùi tôi không thể nhớ.

FIRST BIRTH

Covered with leaves
she rises out of the earth –
she first,
not Adam.
How much more likely
(more provable),
he from her pit
than she from his rib.
It was a man
who wrote the myth.

IMMORTALITY

(a “footnote” after Donald Lev)

I jumped off
the Brooklyn Bridge.
Twice.
But I failed.
I didn’t die.
The Guinness Book of World Records
called me up,
said I should try again:
If I lived,
I’d set a record.
So I jumped a third time
and succeeded.
At last I’ve achieved . . .
Immortality?

STANLEY H. BARKAN, as the editor/publisher of *Cross-Cultural Communications*, he has produced some 400 titles in 58 different languages. His own work has been published in 18 collections, several of them bilingual (Bulgarian, Chinese, Italian, Polish, Russian).

SINH RA ĐẦU TIÊN

Nàng che thân bằng lá
nhô lên từ mặt đất
nàng đầu tiên
không phải Adam
Bao nhiêu phần chắc đúng
(có thể chứng minh),
hắn từ từ cung nàng
hơn là nàng từ chiếc xương sườn của hắn
Đó là người đàn ông
đã viết thần thoại.

BẮT TỬ

(một ghi chú sau Donald Lev)

Tôi nhảy xuống
cầu Brooklyn
Hai lần
Nhưng thất bại
Tôi không chết
Kỷ lục Thế giới Sách Guinness
gọi tôi lại
nói tôi nên thử lần nữa
Nếu tôi sống
tôi sẽ đạt kỷ lục
vì vậy tôi nhảy lần thứ ba
và thành công
Cuối cùng tôi hoàn tất ...
sự bắt tử?

Translated by Khe Iem

STANLEY H. BARKAN, nhà biên tập và xuất bản *Cross-Cultural Communications*. Ông đã xuất bản 400 đầu sách với 58 ngôn ngữ khác nhau. Tác phẩm của ông được in trong 18 tuyển tập, một số là song ngữ (Bulgarian, Chinese, Italian, Polish, Russian).

DANA GIOIA' S POETRY

Review: *99 Poems: New and Selected*, by Dana Gioia

THƠ DANA GIOIA

Điểm Sách: 99 bài Thơ, những bài Mới và những bài Tuyển

Micah Mattix

He hasn't won a Pulitzer – yet – but make no mistake about it: Dana Gioia is one of the best American poets writing today, and his latest volume proves it.

Organized topically (“Mystery,” “Place,” “Love,” to name three of seven) rather than by previously published collections, *99 Poems: New and Selected* is a book for readers, not scholars. Fifteen of the poems are new. The rest have been selected from his previous four collections. All of them show a master at work.

This is a book of seemingly insignificant things – a photograph, a tree, a Beach Boys song, a long dead uncle remembered. Why? Nothing “is hidden in the obvious / changes of the world.” Or, as he puts it in “The Stars Now Rearrange Themselves Above You”:

The stars now rearrange themselves above you
but to no effect. Tonight,
only for tonight, their powers lapse,
and you must look toward earth. There will be
no comets now, no pointing star
to lead where you know you must go.
Look for smaller signs instead, the fine
disturbances of ordered things when suddenly
the rhythms of your expectation break.

Tuy không đoạt giải Pulitzer – chưa đoạt giải – nhưng xin đừng vì vậy mà mắc sai lầm: Dana Gioia là một trong những nhà thơ Mỹ xuất sắc nhất hiện nay, và tập thơ mới nhất của ông chứng thực điều đó.

Được sắp xếp theo chủ đề (“Sự huyền bí”, “Nơi chốn”, “Tình yêu”, là ba trong số bảy chủ đề) hơn là theo thứ tự thời gian ấn hành của các tập thơ, *99 bài Thơ: những bài Mới và những bài Tuyển* là tập thơ dành cho người đọc, không phải cho học giả. Tập thơ có mười lăm bài mới, còn lại là những bài được tuyển trong bốn tập thơ trước đó của ông. Toàn bộ tập thơ cho thấy công trình của một bậc thầy.

Đây là tập thơ về những sự thể có vẻ như tầm thường – một bức ảnh, một cái cây, một ca khúc của nhóm Beach Boys [1], sự tưởng nhớ một người chú đã qua đời nhiều năm trước. Tại sao? Bởi lẽ chẳng có gì “bị che giấu qua vẻ hiển nhiên / của những đổi thay trong thế giới.” Hoặc, như ông viết trong bài “Những Vì Sao Giờ Đây Tự Chúng Tái Bố Trí Trên Đầu Bạn”:

Những vì sao giờ đây tự chúng tái bố trí trên
đầu bạn
nhưng không hiệu lực. Đêm nay,
chỉ riêng đêm nay, quyền năng của chúng bị
vô hiệu hóa,
và bạn phải nhìn về trái đất. Sẽ chẳng có
sao chổi vào lúc này, chẳng có sao chỉ hướng
để dẫn bạn tới nơi bạn biết bạn phải tới.
Thay vào đó, hãy trông chờ những dấu hiệu
nhỏ hơn,
những nhiễu loạn tinh tế của những sự thể
ngăn nắp khi những nhịp
điệu của điều bạn mong chờ đột nhiên gãy đổ.

That those “disturbances of ordered things” are formally reflected in the poem’s enjambment, caesuras, and trochees suggests that poetry is the “microscope” that helps us see, to borrow Emily Dickinson’s metaphor in “‘Faith’ Is a Fine Invention,” to which “The Stars Now Rearrange Themselves Above You” is, perhaps, a response. Ironically, it is in looking “toward earth” that “another world / reveals itself behind the ordinary.”

To say that this world “reveals itself” is to reject the idea that the poet is a priest or a little god who endows the world with a significance not its own. “The world does not need words,” Gioia writes, “It articulates itself / in sunlight, leaves, and shadows. The stones on the path / are no less real for lying uncatalogued and uncounted.” Still, “the stones remain less real to those who cannot / name them.” The role of the poet is to articulate the meaning that is “graven in silica.”

That meaning is not always comforting. In “Beware of Things in Duplicate,” for example, he warns us that there is “nothing so familiar / or so close that it cannot betray you.” The sea, in a sensitive and unflinching poem on his uncle’s time in the Merchant Marines, is an “undisguised illusion” that saves his uncle from his “icons of happiness” until, that is, he is “burned beyond recognition.” “Jacob / never climbed the ladder / burning in his dream,” Gioia writes in “The Burning Ladder.” He “slept / through it all, a stone / upon a stone pillow, / shivering. Gravity / always greater than desire.” Life is an accumulation of choices, which narrow over time. We always “must choose again,” Gioia writes in “Nothing Is Lost,” “but over less.”

“Những nhiễu loạn đó của những sự thể ngăn nắp”, một cách chính thức, được phản ánh trong cách vắt dòng thơ, trong những chỗ ngắt giọng [caesuras], và trong những cụm hai âm tiết một ngăn một dài [trochees], điều này gợi ý rằng thơ là “chiếc kính hiển vi” giúp chúng ta nhìn, đó là mượn ẩn dụ của Emily Dickinson trong bài thơ “‘Niềm tin’ Là một Phát minh Tinh tế”, và có lẽ bài “Những Vì Sao Giờ Đây Tự Chúng Tái Bố Trí Trên Đầu Bạn” là câu trả lời cho bài thơ của E. Dickinson. Mía mai thay, chính là khi nhìn “về trái đất” mà “một thế giới khác / tự bộc lộ đằng sau cái bình thường.”

Nói rằng thế giới này “tự bộc lộ” chính là khước bác ý tưởng rằng nhà thơ là một giáo sĩ hoặc một thiên thần nhỏ đã phú cho thế giới một ý nghĩa vốn không phải của nó. “Thế giới không cần tới những từ,” Gioia viết, “Nó tự nói lên rõ ràng rành mạch / trong ánh sáng mặt trời, trong những chiếc lá, và trong bóng tối. Những viên đá trên đường mòn / chẳng hề kém về thực do nằm đó mà không được liệt kê và đếm kể.” Tuy nhiên “những viên đá vẫn kém về thực đối với những ai không thể / nói rõ về chúng.” Chức năng của nhà thơ là nói lên rõ ràng rành mạch cái ý nghĩa vốn “được khắc trên sa thạch / thạch anh”.

Ý nghĩa đó không phải luôn khiến ta cảm thấy thoải mái. Trong bài “Hãy Thận trọng với Những Sự thể giống hệt như hai Bản sao”, tỉ dụ vậy, ông cảnh báo chúng ta rằng “không có sự thể rất thân thuộc / hoặc rất gần gũi nào lại không có thể phản bội bạn.” Biển cả, trong bài thơ thật diễn cảm và bày tỏ trực diện về khoảng thời gian người cậu của ông phục vụ trong Đội Thương Thuyền [2], là một “biểu tượng không che giấu” đã cứu thoát ông cậu của nhà thơ khỏi “những biểu tượng của hạnh phúc” [3] của ông ta, cho tới khi ông ta “bị thiêu cháy không thể nhận dạng”, nói cụ thể là như vậy. “Jacob / chẳng bao giờ trèo lên cái thang / bùng cháy trong giấc mơ của ông,” Gioia viết trong bài “Cái Thang Bùng cháy.” Ông ta “ngủ vùi/ kinh qua mọi chuyện đó [kể trên], như một hòn đá / gói đầu lên một hòn đá, / run rẩy. Sự nghiêm trọng [của tình huống] luôn lớn hơn dự vọng.” Cuộc đời là sự tích tụ những chọn lựa vốn hạn hẹp dần qua thời gian. Chúng ta “luôn phải chọn lựa thêm nữa,” Gioia viết trong bài “Chẳng Có Gì Mất Đi,” nhưng những thứ để chọn “ngày càng ít dần.”

There are no easy truths here – no pat abstractions that insult or offer relief, as the case may be, while simultaneously puffing the poet’s ego. Poetry is not a game – or not merely a game – for “kids in workshops / who care less about being poets than contributors.” It’s the “music” of “common speech” that might, Gioia writes in a line that rivals the best of Wallace Stevens, “direct a friend / precisely to an unknown place.”

But if poetry points us to the mystery of small things and “unknown places,” it also remembers who we were (or weren’t) and reminds us how we became the people we didn’t want to become. This storytelling function of poetry is one that is sometimes derided by contemporary sophisticates proud of their enlightened denial of both the self and sequence, but it’s a tradition that goes back to the origin of the art itself. In *99 Poems*, we have short verse narratives that begin with a dead body or a visit to a family home and trace attempts to escape the past or restart lives, both of which turn out to be dreams as universal as they are illusory. “My love, how time makes hardness shine,” he writes in “Sea Pebbles: An Elegy.” Memory, he writes in “Summer Storm,” “insists on pining / For places it never went.”

In “Style,” one of the new poems in the volume, Gioia writes that “Most lives consist of choosing the wrong things. / We try to compensate by choosing more, / As if sheer mass bestowed integrity.” The wrong things are often the big things, and in “Most Journeys Come to This,” which was originally titled “Instructions for the Afternoon,” Gioia tells us to leave “the safe distractions of the masterpiece”:

Ở đây không có những chân lí dễ đạt được – không có những ý niệm trừu tượng thích hợp hoặc xúc phạm hoặc giải khuây ta, tùy theo trường hợp, trong khi đồng thời thổi phồng cái tôi của nhà thơ. Thơ không phải một trò chơi – hoặc không chỉ là một trò chơi – dành cho “bọn trẻ trong những hội thảo? / vốn ít bận tâm tới việc trở thành nhà thơ cho bằng làm người đóng góp.” Thơ là ‘nhạc’ của “lời nói thông thường” vốn dĩ có thể, như Gioia viết trong một câu thơ sánh được với thơ hay nhất của Wallace Stevens, “dẫn dắt một người bạn / tới đúng nơi chưa từng được biết.”

Nhưng nếu thơ chỉ rõ cho chúng ta thấy sự huyền nhiệm của những sự thể nhỏ bé và “những nơi chốn chưa từng được biết,” thì nó cũng ghi nhớ rằng chúng ta từng là ai (hoặc từng không là ai) và nhắc nhở ta rằng như thế nào mà chúng ta đã trở thành người mà chúng ta không muốn trở thành. Chức năng thuật chuyện này của thơ là một chức năng đôi khi bị hạ báng bởi những nhà thời lưu đương đại vốn tự hào rằng họ đã được khai sáng để phủ nhận cả cái bản ngã lẫn tiến trình của nó; nhưng chức năng này thuộc về truyền thống, kể từ khởi nguyên của chính nghệ thuật này [thơ]. Trong tập *99 Bài Thơ*, chúng ta đọc thấy những câu thơ thuật chuyện ngắn, mở đầu bằng một thi hài hoặc một chuyến về thăm nhà và vạch ra những nỗ lực để thoát khỏi quá khứ hoặc làm lại cuộc đời, cả hai điều này hoá ra là những giấc mơ vừa là phổ quát lẫn ảo hoặc. “Em yêu, thời gian đã làm cho vẻ cứng rắn bùng sáng lên biết bao,” ông viết thế trong bài thơ “Những Hòn Sỏi Ở Biển: Một Khúc Bi Ca.” Hồi ức, ông viết trong bài “Bão Mùa Hạ,” “khăng khăng đòi tưởng nhớ / những nơi chốn nó chưa từng tới.”

Trong bài “Bút pháp”, một trong những bài thơ mới trong tập thơ này, Gioia viết rằng “Hầu hết những cuộc đời là làm bằng việc lựa chọn những thứ sai lầm. / Chúng ta cố gắng đền bù lại bằng cách chọn lựa nhiều hơn nữa, / Như thế cái thuận là khối lượng sẽ ban bố niềm chính trực.” Những thứ chọn sai lại thường là những thứ lớn lao, và trong bài thơ “Hầu Hết Mọi Chuyến Đi Đều Dẫn Tới Chốn Này,” nguyên có tựa là “Những Chỉ Dẫn dành cho Buổi Chiều,” Gioia đã bảo chúng ta hãy rời bỏ “những trò tiêu khiển an toàn của kiệt tác”:

Leave the museums. Find the dark churches
in back towns that history has forgotten,
the unimportant places the powerful ignore
where commerce knows no profit will be made.
Sad hamlets at the end of silted waterways,
dry mountain villages where time
is the thin shadow of an ancient tower
that moves across the sundazed pavement of
the square
and disappears each evening without trace.

After all, it is in such “unimportant places” that we might find what we’ve “come for thoughtlessly, / shoved off into a corner.” But if not – even if “the vision fails” – “this, too, could be / the revelation”: that such “insufficiencies,” even in art, “make up the world,” and, more soberingly, that “most journeys come to this: the sun / bright on the unfamiliar hills, new vistas / dazzling the eye, the stubborn heart unchanged.”

Beauty will not save the world. Poetry is only momentarily therapeutic and should offer no ticket to an easy, self-congratulatory, pseudo-spiritual “human flourishing.” Rather, like both the church and nature’s stones, it either speaks to us or reflects a future of “graceless frescos” among a “shadow-land of marble tombs.”

A lot of art, Gioia writes in “The Haunted” is “grand, authentic, second rate.” *99 Poems*, as the title itself indicates, shows a poet who couldn’t care less about the first two – at least not in the cavalier way that they are used today – in over thirty years of writing first-rate work.

Chú thích

[1] Beach Boys là một nhóm nhạc rock Mỹ, được thành lập năm 1961 tại Hawthorne, California.

[2] Merchant Marines, tức U.S.M.M, ra đời trước U.S. Navy, là đội tàu thuyền chuyên chở hàng hoá xuất nhập khẩu trong thời bình; sau đó, trong thời chiến, trở thành đội tàu thuyền chuyển tải quân lính và quân trang hỗ trợ cho hải quân.

[3] Bản tiếng Anh của Micah Mattix: “icons of happiness”, còn trong bài thơ của Dana Gioia là “icons of unhappiness” (“những biểu tượng của bất hạnh”).

Hãy rời khỏi những viện bảo tàng. Hãy tìm tới
những nhà thờ tối ám
trong những tỉnh lẻ mà lịch sử đã lãng quên,
[hãy tìm tới] những nơi chốn không quan trọng
mà giới quyền uy bỏ qua
mà nhà buôn biết là nơi chẳng thể có lợi nhuận.
Những thôn xóm buồn bã ở cuối những luống
nước tắc nghẽn,
những làng mạc nơi vùng núi khô hạn, nơi mà
thời gian
đo bằng bóng hắt chiếu gày guộc của ngôi tháp cổ
chuyển dịch trên vỉa hè chói chang của
quảng trường
và biến mất mỗi chiều không dấu tích.

Xét cho cùng, chính là ở “những nơi chốn không quan trọng” như vậy mà chúng ta có thể tìm được điều mà “vì nó chúng ta tìm tới, một cách vô tâm, / nằm bừa bãi nơi góc phố.” Nhưng dù không như thế – tức thậm chí nếu “tầm nhìn rộng đó không được thực hiện” – “thì, ngay cả điều này cũng có thể là / một phát hiện”: rằng “những điều bất toàn” như thế, ngay cả trong nghệ thuật, “đã làm nên thế giới,” và, nói một cách tinh tế hơn, thì “hầu hết mọi chuyến đi đều dẫn tới chốn này: mặt trời / tỏa sáng trên những ngọn đồi không từng quen thuộc, những viễn cảnh mới / làm lóa mắt, làm choáng váng trái tim bừng bình không chịu đổi thay.”

Cái đẹp sẽ không cứu chuộc được thế giới. Thơ chỉ chữa trị bệnh trong nhất thời, và nó không thể ban cho chúng ta “sự triển nở mang tính người” một cách dễ dãi, có tính tự khen, và giả-tinh-thần.” Đúng hơn thì nó giống như những viên đá xây nhà thờ và đá trong thiên nhiên, nó nói với chúng ta hoặc nó phản ánh về một tương lai của “những bức tranh tường thô kệch” giữa một “vùng bóng tối của những ngôi mộ xây bằng đá hoa cương.”

Khá nhiều nghệ thuật, Gioia viết trong bài “The Haunted” thì “lớn lao, đích thực, hạng nhì.” Tập *99 Bài Thơ*, như chính tên tựa sách chỉ rõ, cho thấy một nhà thơ không hề thiếu quan tâm tới hai phẩm chất đầu kể trên – ít nhất là không theo cách thân mật vẫn thường được dùng hiện nay – trong hơn ba mươi năm nay vẫn viết ra loại tác phẩm hạng nhất.

Translated by Pham Kieu Tung

Dana Gioia
UNSAID

So much of what we live goes on inside –
The diaries of grief, the tongue-tied aches
Of unacknowledged love are no less real
For having passed unsaid. What we conceal
Is always more than what we dare confide.
Think of the letters that we write our dead.

(From 99 Poems: New & Selected)

Dana Gioia
CHƯA NÓI

Quá nhiều điều chúng ta sống xảy ra
như thực ở bên trong – những nhật ký
của mối sầu khô, nỗi đờn đau không
nói được của cuộc tình không hồi đáp
vì có lời chưa nói đã trôi đi.
Điều che dấu luôn luôn nhiều hơn điều
dám giải bày. Hãy nghĩ về những con
chữ chúng ta diễn đạt cái chết.

Translated by Khe Iem

Kyung-Nyun Kim Richards
HUMBLE PIECES

My life is a patchwork
made of small humble pieces:
remnants, scraps, discards,
salvaged, sewn together
stitch by stitch,
threadbare,
worn. Faded.
But remains gently
to be taken care of.

Spring 1998

* Used by permission from *Vision Test*, a book
published by CCC & KEL, 2016

Kyung-Nyun Kim Richards
NHỮNG MẢNH KHIÊM TỐN

Đời tôi là một tấm vá nhiều mảnh
được làm bằng những mảnh khiêm tốn:
tàn dư, mảnh vụn, vật thải,
đồ ve chai, được khâu lại với nhau
từng mũi từng mũi,
xác xơ,
mòn mỏi. Nhạt phai.
Nhưng vẫn còn êm ái
để được chăm sóc.

Spring 1998

* Được phép sử dụng từ *Vision Test*, phát hành
bởi CCC & KEI, 2016

Translated by Diem Tho

KYUNG-NYUN KIM RICHARDS is a poet,
essayist, and translator of Korean literature. Her
latest publication is *Vision Test*, Korean/English
Bilingual Poetry Series 2, by Cross-Cultural
Communications and Korean Expatriate Litera-
ture, 2016.

KYUNG-NYUN KIM RICHARDS là nhà thơ,
tiểu luận gia, và dịch giả văn chương Hàn quốc.
Tác phẩm phát hành gần đây nhất của bà là *Vi-
sion Test*, Hàn/Anh ngữ Bilingual Poetry Series
2, bởi Cross-Cultural Communications và Ko-
rean Expatriate Literature, 2016.

Hassanal Abdullah
OUR BONES

Our Bones rattled and cracked into pieces.

Maybe, we didn't see, or we
even saw them – or,
the bubbles of time
walked behind; maybe, in front, too,
sucking the spittle of the century.
We never knew it.
As evening rushed in,
we gently returned home
and lowered ourselves down to making sex –
we didn't like it. Or
we got fully satisfied – tired, sweated, and
bored . . .

When our bones had gradually cracked,
cracked, and cracked into pieces,
we cursed out, “What a nuisance time!”
and engaged in a talk of new statehoods.
Placing our dirty, mud-eaten feet
against the cruel, culminated heirs of
civilization,
we spread a dirty smell in the local train . . .

Our bones cracked into pieces.

Translated from the Bengali by the poet

HASSANAL ABDULLAH is a Bengali poet,
the author of 35 books in various genres, includ-
ing 13 collections of poetry, a NYC High School
math teacher and the editor of an international
bilingual journal, *Shabdaguchha*.

Hassanal Abdullah
XƯƠNG CỦA CHÚNG TA

Xương chúng ta lắc lạch cách và rạn nứt
ra từng mảnh.

Có thể, chúng ta không thấy, hay ngay cả khi
chúng ta thấy chúng – hay,
bong bóng thời gian
theo sau; có thể, cũng ngay đằng trước,
hớp lấy bọt của thế kỷ.
Chúng ta không bao giờ biết thế.
Khi hoàng hôn ập đến,
chúng ta khẽ khàng về nhà
và tự hạ mình xuống để làm tình –
chúng ta không thích. Hay
chúng ta hoàn toàn thỏa mãn – mệt mỏi, toát mồ
hôi, và chán chường...

Khi xương chúng ta dần dần rạn nứt.
rạn nứt, và rạn nứt ra từng mảnh,
chúng ta nguyện rửa, “Ngay lúc thật phiền!”
và bận bịu nói chuyện về các cương vị
quốc gia.

Để chân dơ, lấm bùn
trên những sinh vật tàn bạo tột độ của
nền văn minh,
chúng ta loan tỏa mùi dơ trong xe lửa
địa phương...

Xương chúng rạn nứt ra từng mảnh.

*(Nhà thơ tự dịch sang tiếng Anh từ tiếng
Bengali)*

Translated into Vietnamese by Diem Tho

HASSANAL ABDULLAH là một nhà thơ Ben-
gali, tác giả 35 cuốn sách nhiều thể loại khác nhau,
kể cả 13 tuyển tập thơ, là giáo viên dạy Toán ở
NYC High school và bình bút cho tờ song ngữ
quốc tế, *Shabdaguchha*.

Peter Thabit Jones
RAINBOWS AT NIGHT

The bird voices are dust;
And dry summer's death breath
Is murdering flowers
A graveyard of colours.

The lizards are dark twigs
That are filmed by the eyes;
And the scanning vultures
Are guarding their heaven.

I seek out the shadows
As I pray for the wind
Or the cloud of the fog.
I long for the moon's ice.

I leave thoughts in deserts,
Words die in their silence,
For tomorrow's poems
Will be rainbows at night.

PETER THABIT JONES is a Welsh poet and dramatist. He is the author (with Aeronwy Thomas) of the *Dylan Thomas Walking Tour of Greenwich Village, New York* and twelve other books. www.peterthabitjones.com

Peter Thabit Jones
CẦU VỒNG BAN ĐÊM

Tiếng chim là bụi bậm;
Và hơi thở chết chóc của mùa hè khô
Đang giết đi các loài hoa
Một nghĩa địa màu sắc.

Thần lằn là mấy cái que u ám
Được quay phim bởi những cặp mắt;
Và những con kên kên quét lướt
Đang canh giữ thiên đàng của chúng,

Tôi tìm kiếm bóng tối
Trong lúc khẩn cầu trời gió
Hay đám mây sương mù.
Tôi ước ao sự lạnh lẽo của ánh trăng.

Tôi rời bỏ ý nghĩa trong sa mạc,
Những chữ chết trong im lặng của chúng,
Cho các bài thơ ngày mai
Sẽ là cầu vồng ban đêm.

Translated by Diem Tho

PETER THABIT JONES là nhà thơ xứ Welsh và viết bi hài kịch. Ông là tác giả (cùng với Aeronwy Thomas) cuốn *Dylan Thomas Walking Tour of Greenwich Village, New York* và mười hai cuốn khác. www.peterthabitjones.com

By two simple techniques, *enjambment* and *repetition*, Vietnamese New Formalist poetry can transform traditional five-, seven-, or eight-word verses or six-eight verse couplets into *Blank verses*. But, to effectly comprehend and compose the Vietnamese New Formalism, we need to understand thoroughly rhymed poetry and free verse from both Vietnamese and English poetry. Refer to the essay "*Think of poetry making in New Formalism*".

Với hai yếu tố đơn giản, *vắt dòng* và *kỹ thuật lặp lại*, thơ Tân hình thức Việt chuyển mọi thể thơ có vần như 5, 7, 8 chữ, lục bát thành những thể thơ *Không vần*. Nhưng để nắm bắt và sáng tác có hiệu quả thơ Tân hình thức Việt, chúng ta cần am hiểu thấu đáo thơ vần điệu và tự do của cả thơ Việt lẫn thơ tiếng Anh. Tham khảo "*Tân hình thức – Nghệ về cách làm thơ*".

Joe Dolce

BOAT PEOPLE

Boat People come from an old country,
Sail across dangerous seas.
Nomad people all through history:
Pilgrims, slaves and refugees.

We are the Boat People, one and all
We are the Boat People, hear the call:
Pilgrims, slaves and refugees
Are the sum of all humanity.
We are the Boat People.

Boat People perish at sea.
Death becomes their avenue to liberty.
While councils convene to hear their pleas
With hearts grown numb from luxuries.

We are the Boat People, one and all
We are the Boat People, hear the call:
Pilgrims, slaves and refugees
Are the sum of all humanity.
We are the Boat People.

Boat People come to this strange new land.
It's customs, they're struggling to understand.
While in the course of their integration,
They meet violent discrimination.

We are the Boat People, one and all
We are the Boat People, hear the call:
Pilgrims, slaves and refugees
Are the sum of all humanity.
We are the Boat People.

JOE DOLCE

Singer, songwriter, composer and poet. Writer and performer of the most successful Australian song in history. His poetry appeared in *Best Australian Poems 2015 & 2014*. He was shortlisted for both the Newcastle Poetry Prize and Canberra Vice-Chancellor's Poetry Prize, in 2014. Winner of the 25th Launceston Poetry Cup. Published in Meanjin, Monthly, Southerly, Cordite, Canberra Times, Quadrant, Australian Poetry Journal, Overland, Contrappasso, and Antipodes (US). Recipient of the Advance Australia Award.

Joe Dolce

THUYỀN NHÂN

Thuyền Nhân đến từ một xứ sở xa xưa,
Vượt những biển cả đầy nguy hiểm.
Xuyên suốt lịch sử họ đều là dân du mục:
Những người hành hương, những nô lệ, và
những người tị nạn.

Chúng ta là Thuyền Nhân, tất cả chúng ta
Chúng ta là Thuyền Nhân, hãy nghe tiếng gọi:
Những người hành hương, những nô lệ, và
những người tị nạn
Là tổng số của toàn nhân loại.
Chúng ta là Thuyền Nhân.

Thuyền Nhân táng mạng ngoài biển
Cái chết trở thành con đường của họ tới tự do.
Trong khi những hội đồng được triệu tập để nghe
những lời cầu xin của họ
Với những trái tim tê liệt vì những thứ xa xỉ.

Chúng ta là Thuyền Nhân, tất cả chúng ta
Chúng ta là Thuyền Nhân, hãy nghe tiếng gọi:
Những người hành hương, những nô lệ, và
những người tị nạn
Là tổng số của toàn nhân loại.
Chúng ta là Thuyền Nhân.

Thuyền Nhân đến vùng đất mới lạ này.
Những tục lệ của nó, họ phải vật lộn để
hiểu được chúng.
Trong suốt quá trình hòa nhập của họ,
Họ đã gặp phải sự phân biệt đối xử khắc nghiệt.

Chúng ta là Thuyền Nhân, tất cả chúng ta
Chúng ta là Thuyền Nhân, hãy nghe tiếng gọi:
Những người hành hương, những nô lệ, và
những người tị nạn
Là tổng số của toàn nhân loại.
Chúng ta là Thuyền Nhân.

Translated by Pham Kieu Tung

JOE DOLCE là một ca sĩ, người viết ca khúc, nhà soạn nhạc, nhà thơ. Một người viết và trình diễn ca khúc hầu như thành công nhất trong lịch sử Úc châu. Thơ ông có trong tuyển tập *Những Bài Thơ Úc Hay Nhất 2015 & 2016*.